

Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 5 – BÀI 6: CỘNG/ TRỪ 2 PHÂN SỐ

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Chọn phép cộng hai phân số có kết quả lớn nhất.

A. $\frac{14}{5} + \frac{30}{12}$

B. $\frac{13}{7} + \frac{9}{3}$

C. $\frac{6}{7} + \frac{42}{14}$

D. $\frac{4}{2} + \frac{1}{3}$

Câu 2. Chọn phép trừ hai phân số có kết quả bé nhất.

A. $\frac{6}{2} - \frac{28}{10}$

B. $\frac{29}{10} - \frac{17}{6}$

C. $\frac{19}{7} - \frac{20}{8}$

D. $\frac{2}{11} - \frac{1}{8}$

Câu 3. Chọn phép trừ hai phân số có kết quả bé nhất.

A. $\frac{35}{12} - \frac{5}{2}$

B. $\frac{6}{2} - \frac{38}{14}$

C. $\frac{14}{5} - \frac{33}{15}$

D. $\frac{23}{10} - \frac{8}{4}$

Câu 4. Chọn phép cộng hai phân số có kết quả lớn nhất.

A. $\frac{40}{15} + \frac{9}{3}$

B. $\frac{6}{2} + \frac{3}{2}$

C. $\frac{18}{6} + \frac{24}{12}$

D. $\frac{8}{9} + \frac{39}{14}$

Phần II. Tự luận

Bài 1. Quy đồng theo mẫu chung đã cho rồi điền dấu so sánh thích hợp.

a) Với mẫu chung 40: $\frac{20}{20} \dots \frac{10}{10}$

b) Với mẫu chung 126: $\frac{1}{21} \dots \frac{33}{42}$

c) Với mẫu chung 30: $\frac{5}{5} \dots \frac{7}{15}$

d) Với mẫu chung 12: $\frac{2}{12} \dots \frac{0}{6}$

Bài 2. Viết số tự nhiên thành phân số cùng mẫu với phân số đã cho rồi điền tử số còn thiếu vào ô trống.

a) $1 + \frac{13}{18} = \frac{\dots}{18} + \frac{13}{18}$

b) $6 + \frac{2}{24} = \frac{\dots}{24} + \frac{2}{24}$

c) $10 + \frac{8}{20} = \frac{\dots}{20} + \frac{8}{20}$

d) $7 + \frac{5}{7} = \frac{\dots}{7} + \frac{5}{7}$

Bài 3. Tính các phép tính sau.

a) $\frac{7}{8} - \frac{6}{9} = \dots$

b) $\frac{5}{7} - \frac{3}{9} = \dots$

c) $\frac{4}{8} - \frac{2}{11} = \dots$

d) $\frac{6}{8} - \frac{4}{9} = \dots$

Bài 4. Giải bài toán sau.

Một đội công nhân cần sửa một đoạn đường. Đội đã sửa được $\frac{5}{6}$ đoạn đường đó, trong đó $\frac{1}{3}$ đoạn đường đã được trải nhựa. Hỏi phần đã sửa nhưng chưa trải nhựa bằng bao nhiêu phần đoạn đường?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5. Giải bài toán sau.

Một đội công nhân cần sửa một đoạn đường. Đội đã sửa được $\frac{8}{9}$ đoạn đường đó, trong đó $\frac{1}{3}$ đoạn đường đã được trải nhựa. Hỏi phần đã sửa nhưng chưa trải nhựa bằng bao nhiêu phần đoạn đường?

Bài giải

Bài 6. Một tấm vải dài 14m. Cửa hàng nhập thêm $\frac{5}{18}$ m vải cùng loại, sau đó bán đi $\frac{1}{14}$ m vải. Tính độ dài tấm vải còn lại.

Trình bày lời giải theo hai bước: tính độ dài tấm vải sau khi nhập thêm sau khi thêm, rồi tính độ dài tấm vải còn lại sau khi bớt.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7. Giải bài toán sau.

Nhóm Lan góp $\frac{6}{7}$ mét vải, Nhóm Mai góp $\frac{1}{8}$ mét vải để làm đồ thủ công. Hai nhóm góp được tất cả bao nhiêu mét vải?

Bài giải

Bài 8. Điền số thích hợp vào ô trống trong bước viết số tự nhiên thành phân số cùng mẫu.

a) $\frac{52}{20} - 2 = \frac{52}{20} - \frac{\dots}{20}$

b) $\frac{28}{8} - 3 = \frac{28}{8} - \frac{\dots}{8}$

c) $\frac{65}{6} - 10 = \frac{65}{6} - \frac{\dots}{6}$

d) $\frac{127}{19} - 6 = \frac{127}{19} - \frac{\dots}{19}$

Bài 9. Tính các phép tính sau.

a) $1 + \frac{2}{10} = \dots$ b) $8 + \frac{3}{7} = \dots$ c) $1 + \frac{11}{12} = \dots$ d) $9 + \frac{1}{6} = \dots$

Bài 10. Nhóm A trồng được $\frac{1}{3}$ khu vườn, nhóm B trồng được $\frac{1}{2}$ khu vườn. Sau đó, $\frac{2}{3}$ khu vườn đã trồng bị hỏng nên phải trồng lại.

Tính phần khu vườn còn được tính là đã trồng xong và trình bày lời giải.

Bài giải

---HẾT---